

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính hợp nhất
quý 2 niên độ 01/07/2014 đến 30/06/2015

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 02 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Úc My Ông Lê Văn Dĩnh Ông Võ Tông Xuân Ông Phạm Hồng Dương Ông Thái Văn Chuyện Ông Nguyễn Bá Chủ	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngừ Ông Nguyễn Bá Chủ Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Bà Trương Thị Hồng Ông Nguyễn Văn Đệ Ông Nguyễn Thành Khiêm Bà Dương Thị Tô Châu Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/11/2014) Tổng Giám đốc (Đến ngày 01/10/2014) Phó Tổng Giám đốc thường trực (Đến ngày 31/12/2014) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 31/12/2014) Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/10/2014) Giám đốc Nông Nghiệp
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân Ông Phạm Trung Kiên Ông Lê Văn Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Kế Toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thùy Tiên	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị


Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị




Đặng Huỳnh Úc My
Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 01a – DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/06/2014 VND
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.032.700.610.479	2.022.213.806.741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	26.695.804.339	258.582.561.758
Tiền	111		26.695.804.339	258.582.561.758
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	303.967.014.352	96.016.483.079
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		304.574.723.341	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(607.708.989)	(26.172.481.991)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	06	1.057.522.714.964	1.022.253.075.770
Phải thu khách hàng	131		269.626.441.104	283.177.884.083
Trả trước cho người bán	132		665.894.674.548	610.114.801.259
Các khoản phải thu khác	135		150.856.818.007	160.743.216.447
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(28.855.218.695)	(31.782.826.019)
IV. Hàng tồn kho	140	07	576.399.141.682	613.061.630.838
Hàng tồn kho	141		576.641.698.569	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(242.556.887)	(242.556.887)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.115.935.142	32.300.055.296
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.822.017.893	28.955.488.757
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.663.541.152	1.536.386.539
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.629.854.895	1.808.180.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.282.340.100.213	1.355.883.081.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	06	39.234.790.277	34.788.048.229
Phải thu dài hạn khác	218		39.234.790.277	34.788.048.229
II. Tài sản cố định	220		628.948.934.272	600.304.488.586
Tài sản cố định hữu hình	221	08	483.510.230.814	515.883.717.417
Nguyên giá	222		1.712.486.267.236	1.703.505.216.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.228.976.036.422)	(1.187.621.498.585)
Tài sản cố định vô hình	227	09	40.444.574.009	40.836.847.665
Nguyên giá	228		51.358.251.971	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.913.677.962)	(10.271.894.306)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	104.994.129.449	43.583.923.504
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	573.231.153.995	694.377.230.823
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		497.614.374.698	618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác	258		75.685.112.384	75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(68.333.087)	(69.083.087)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		40.925.221.669	26.413.314.313
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	39.874.478.140	25.398.671.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.050.743.529	1.014.642.696
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.315.040.710.692	3.378.096.888.692

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/06/2014 VND
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.512.390.317.730	1.644.050.764.039
I. Nợ ngắn hạn	310		1.456.278.780.730	1.564.580.556.039
Vay ngắn hạn	311	14	1.238.213.327.063	1.403.047.758.331
Phải trả người bán	312		96.928.083.806	70.009.425.207
Người mua trả tiền trước	313	15	69.331.851.508	48.363.947.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	160.818.243	4.388.001.365
Phải trả người lao động	315		(156.179.209)	2.205.023.120
Chi phí phải trả	316	17	10.507.435.290	10.146.426.957
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	17.034.414.597	4.069.856.415
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	24.259.029.432	22.350.117.493
II. Vay dài hạn	330		56.111.537.000	79.470.208.000
Vay dài hạn	334	20	56.111.537.000	79.470.208.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	20	-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 439)	400		1.802.650.392.962	1.734.046.124.653
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.802.593.445.422	1.734.046.124.653
Vốn cổ phần	411	22	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	22	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	125.609.421.786	120.999.110.932
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	101.816.231.999	99.511.076.572
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(4.960.381.269)	(4.960.381.269)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		141.973.371.939	80.341.517.451
II. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		56.947.540	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.315.040.710.692	3.378.096.888.692

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/06/2014 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (KG)		1.567.000	1.617.365
Nợ khó đòi đã xử lý		16.244.589.615	9.155.696.273
Ngoại tệ các loại (USD)		996	2.785

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Ngày 25 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngừ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 02a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn từ 01/07 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	504.173.347.998	747.475.498.729	957.447.351.728	1.309.246.393.497
2. Các khoản giảm trừ	03	25	2.150.316.075	1.118.800.053	2.512.902.788	1.605.556.369
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10	25	502.023.031.923	746.356.698.676	954.934.448.940	1.307.640.837.128
4. Giá vốn hàng bán	11	26	457.506.293.366	649.270.765.730	857.332.217.323	1.149.246.926.740
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.516.738.557	97.085.932.946	97.602.231.617	158.393.910.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	19.399.085.659	32.506.133.202	48.911.228.865	62.179.276.255
7. Chi phí tài chính	22	30	(2.934.880.312)	(6.811.763.009)	32.594.875.143	28.443.229.132
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>20.156.239.920</i>	<i>20.774.966.498</i>	<i>44.204.174.291</i>	<i>46.700.913.704</i>
8. Chi phí bán hàng	24	27	14.444.434.335	17.124.038.323	30.679.921.364	30.272.491.983
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	17.525.928.825	19.511.963.234	28.895.080.412	32.503.631.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		34.880.341.368	99.767.827.600	54.343.583.563	129.353.834.351
11. Thu nhập khác	31		4.807.199.739	2.695.365.281	6.078.096.909	4.342.517.224
12. Chi phí khác	32		1.115.176.265	286.754.689	1.433.951.513	367.423.138
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.692.023.474	2.408.610.592	4.644.145.396	3.975.094.086
14. Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết , giá trị thuần	45		16.907.063.392	9.300.981.447	24.173.983.366	11.122.031.620
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		55.479.428.234	111.477.419.639	83.161.712.325	144.450.960.057
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	8.226.906.570	23.165.398.414	10.238.753.816	27.090.185.721
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	(635.362.425)	(4.695.717.351)	(36.100.833)	(3.479.078.396)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		47.887.884.089	93.007.738.576	72.959.059.342	120.839.852.732
19. Phân bổ cho						
Cổ đông thiểu số	61		56.947.540	-	56.947.540	-
Chủ sở hữu công ty	62		47.830.936.549	93.007.738.576	72.902.111.802	120.839.852.732
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	333	679	508	882

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Ngày 25 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngữ



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	55.479.428.234	96.931.677.702
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	21.845.106.467	21.700.538.183
Các khoản dự phòng	3	(21.600.516.570)	(19.110.653.455)
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5	-	100.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	(1.115.909.091)	(1.320.650.011)
Lãi/Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	5	(6.519.620.305)	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết (giá trị thuần)	5	(16.907.063.392)	(11.122.031.620)
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	5	(15.191.179.394)	(13.610.911.717)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(5.309.427.189)	(10.295.547.654)
Thu nhập cổ tức	5	(2.000.000)	(39.292.600)
Chi phí lãi vay	6	20.156.239.920	20.774.966.498
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	30.835.058.680	84.008.095.326
Biến động các khoản phải thu	9	447.622.285.626	(72.079.973.120)
Biến động hàng tồn kho	10	(218.073.880.588)	95.489.427.362
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(66.694.673.468)	219.967.872.698
Biến động chi phí trả trước	12	37.384.424.426	(9.287.525.834)
		231.073.214.676	318.097.896.432
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.395.574.236)	(20.326.520.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(407.958.591)	(1.246.511.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	200.269.681.849	286.524.865.070

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(67.684.121.977)	(52.560.038.679)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.115.909.091	1.386.829.407
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan và đơn vị khác	23	(368.000.000.000)	(160.000.000.000)
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	-	-
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24	218.960.577.469	325.652.791.317
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24	-	264.846.700
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(7.723.909.246)	(180.434.950.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	31.914.710.215	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(191.416.834.448)	(65.690.521.255)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	-	65.742.000.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	64.144.982.000
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	770.528.757.907	819.077.628.329
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(781.133.213.892)	(844.504.269.887)
Tiền chi trả cổ tức	36	(541.161.050)	(70.782.521.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(11.145.617.035)	33.677.819.042
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.292.769.634)	254.512.162.857
Tiền đầu năm	60	28.988.573.973	23.273.494.352
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	26.695.804.339	277.785.657.209

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Ngày 25 tháng 02 năm 2015



Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngữ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 458 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 189 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 508 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

- (i) Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.
- (ii) Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không mà dùng ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 30 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- khác 4 – 15 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/14	30/06/14
	VND	VND
Tiền mặt	4.233.133.953	1.630.674.379
Tiền gửi ngân hàng	22.462.670.386	256.951.887.379
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	26.695.804.339	258.582.561.758

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn
 Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	31/12/14	30/06/14
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	304.654.758.309	405.624.797.402
Trả trước ngắn hạn cho người bán	361.239.916.239	204.490.003.857
	665.894.674.548	610.114.801.259

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/14	30/06/14
	VND	VND
Phải thu TTC	-	102.583.598.641
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	48.016.346.495	48.850.972.567
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ Phần KCN Thành Thành Công, một công ty liên kết	-	6.787.840.584
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Thuận Thiên, một cổ đông	439.166.667	404.458.334
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	189.783.147	-
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Bao bì Thành Thành Công	878.049.999	475.001.368
Thuế Nhập khẩu đường thô	87.216.467.041	-
VAT hàng nhập khẩu	13.020.000.804	-
Phải thu khác	1.097.003.854	1.641.344.953
	150.856.818.007	160.743.216.447

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/14	30/06/14
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	26.136.679.089	21.363.986.000
Phải thu dự án Svayrieng_Campuchia (*)	13.098.111.188	13.424.062.229
	39.234.790.277	34.788.048.229

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	31/12/14	30/06/14
	VND	VND
Nguyên vật liệu	147.531.888.789	96.273.123.996
Công cụ và dụng cụ	116.448.947	160.652.368
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	117.452.170.196	13.829.296.766
Thành phẩm	310.697.924.879	487.576.719.523
Hàng hóa	14.066.322	12.485.237
Hàng gửi đi bán	829.199.436	15.451.909.835
	576.641.698.569	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	576.399.141.682	613.061.630.838

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	282.064.393.766	1.336.677.203.750	21.332.977.284	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.002
Tăng trong năm	119.511.527	5.857.271.817	4.978.789.999	-	-	10.955.573.343
Thanh lý	-	-	(1.974.522.109)	-	-	(1.974.522.109)
Số dư cuối kỳ	282.183.905.293	1.342.534.475.567	24.337.245.174	5.025.310.672	58.405.330.530	1.712.486.267.236
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	150.886.142.039	962.849.612.830	11.291.648.322	4.243.351.629	58.350.743.765	1.187.621.498.585
Khấu hao trong năm	5.069.041.125	36.733.453.672	1.309.760.166	202.109.602	14.695.381	43.329.059.946
Thanh lý	-	-	(1.974.522.109)	-	-	(1.974.522.109)
Số dư cuối kỳ	155.955.183.164	999.583.066.502	10.626.886.379	4.445.461.231	58.365.439.146	1.228.976.036.422
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	131.178.251.727	373.827.590.920	10.041.328.962	781.959.043	54.586.765	515.883.717.417
Số dư cuối kỳ	126.228.722.129	342.951.409.065	13.710.358.795	579.849.441	39.891.384	483.510.230.814

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 có các tài sản với nguyên giá 229.556 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 227.518 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	3.624.987.152	51.108.741.971
Tăng trong năm	-	249.510.000	249.510.000
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.874.497.152	51.358.251.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.170.349.887	3.101.544.419	10.271.894.306
Khấu hao trong năm	528.197.094	113.586.562	641.783.656
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.698.546.981	3.215.130.981	10.913.677.962
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	40.313.404.932	523.442.733	40.836.847.665
Số dư cuối kỳ	39.785.207.838	659.366.171	40.444.574.009

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 4.361 triệu VND đã được khấu hao hết (ngày 30 tháng 06 năm 2014: 4.360 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 31/12/14 VND	Giai đoạn 30/06/14 VND
Số dư đầu năm	43.583.923.504	59.319.464.393
Tăng trong kỳ	81.933.379.733	16.551.693.780
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(20.822.488.864)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		(602.442.524)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(20.523.173.788)	(10.050.165.628)
Xóa sổ		(812.137.653)
Số dư cuối kỳ	104.994.129.449	43.583.923.504

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Các khoản đầu tư

	31/12/14			30/06/14			VND	VND
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết		
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
• Cty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công (ii)	24.500.000	49,45%	49,45%	180.485.879.074	24.500.000	49,45%	49,45%	162.549.095.834
• Cty CP Đường Biên Hòa (iii)	13.630.296	21,64%	21,64%	187.091.128.989	13.630.296	21,64%	21,64%	195.453.847.206
• Công ty Cổ phần Mía Đường - Nhiệt điện Gia Lai (iv)	-	0,00%	0,00%	-	9.240.000	23,69%	23,69%	127.222.395.899
• Cty CP Mía đường La Ngà (v)	2.040.802	24,89%	24,89%	42.953.441.897	2.040.802	24,89%	24,89%	45.908.947.434
• Cty CP Đường Nước Trong (vi)	1.389.302	23,95%	23,95%	49.438.601.426	1.389.302	23,95%	23,95%	49.329.042.679
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (vii)	3.157.920	26,32%	26,32%	30.583.329.762	3.157.920	26,32%	26,32%	31.167.193.138
• Cty CP NC & ƯD mía đường TTC (viii)	720.000	24,00%	24,00%	7.061.993.550	720.000	24,00%	24,00%	7.129.929.336
				497.614.374.698				618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác:								
• Đầu tư vào công ty khác				74.915.050.000				74.915.050.000
• Đầu tư dài hạn khác				770.062.384				770.812.384
				75.685.112.384				75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(68.333.087)				(69.083.087)
				573.231.153.995				694.377.230.823

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
• Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công (ix)		- 122.188.965.070
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(607.708.989)	(26.172.481.991)
Số dư cuối kỳ	(607.708.989)	96.016.483.079

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán si); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.
- (ii) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà ("Đường La Ngà") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện;

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (v) Trong năm 2013 Công ty mua 1.389.302 cổ phần (23,95%) của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong"). Đường Nước Trong được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vi) Trong năm Công ty đã góp 3.157.920 cổ phần (26.32%) của Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, Ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nito, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (vii) Trong năm 2013 Công ty đã góp 24% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công"). Mía Đường Thành Thành Công được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (viii) Công ty Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính. Trong kỳ, công ty Đường Gia Lai đã thay đổi giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 9 nâng vốn điều lệ lên 389.998.760.000đ. Trong kỳ Công ty đã bán toàn bộ 9.240.000 cổ phiếu.
- (ix) Các khoản vay cấp cho Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5%. Trong kỳ Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ gốc vay và lãi trong giai đoạn từ 01 tháng 07 đến 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN

Đầu tư dài hạn bao gồm:

	31/12/14		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000
Số dư cuối kỳ	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	31/12/14 VND	30/06/14 VND	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Số dư đầu năm	122.188.965.070	171.464.251.319	694.446.313.910	582.582.675.481
Tăng đầu tư trong kỳ	304.574.723.341	10.724.713.751		25.200.000.000
Giảm đầu tư trong kỳ	-	-	(124.761.375.000)	-
Tăng/giảm khác	(122.188.965.070)	(60.000.000.000)	3.614.548.172	86.663.638.429
Số dư cuối kỳ	304.574.723.341	122.188.965.070	573.299.487.082	694.446.313.910

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	31/12/14 VND	30/06/14 VND	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Số dư đầu năm	26.172.481.991	26.752.268.285	69.083.087	69.083.087
Trích lập trong kỳ	607.708.989	-	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	(26.172.481.991)	(579.786.294)	(750.000)	-
Số dư cuối kỳ	607.708.989	26.172.481.991	68.333.087	69.083.087

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Số dư đầu kỳ	25.398.671.617	1.553.111.727
Tăng trong kỳ	18.081.175.153	26.724.626.440
Chuyển từ CP XDCB qua	-	602.442.524
Phân bổ trong kỳ	(3.605.368.630)	(3.481.509.074)
Số dư cuối kỳ	39.874.478.140	25.398.671.617

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Vay ngắn hạn	1.190.627.985.063	1.355.634.416.331
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	47.585.342.000	47.413.342.000
Số dư cuối kỳ	1.238.213.327.063	1.403.047.758.331

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:	Tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/14 VND	30/06/14 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	4,50%	148.000.000.000	115.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	5.5% - 7.0%	216.927.216.206	241.900.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	5.5% - 6.3%	140.945.196.906	210.261.706.000
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	5.9% - 7.0%	138.549.453.952	118.187.023.200
• NH Công Thương TN (v.a)	VND	4.5% - 7.0%	107.540.117.690	80.954.744.359
• Ngân hàng Công thương_CN1 (v.b)	VND	3.0% - 6.5%	157.693.821.493	146.868.888.762
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	5.5% - 6.55%	33.400.000.000	60.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	5.62% - 6.37%	59.982.178.816	59.599.731.492
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (viii)	VND	5.5% - 6.6%	100.000.000.000	94.200.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ix)	VND	4.0% - 4.5%	20.000.000.000	89.432.352.000
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh	VND	5.9% - 6.5%	-	62.976.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND	6.49% - 6.61%	-	57.533.970.518
• Ngân hàng ACB Tân Thuận_TKTT (x)	VND	5,5%	50.000.000.000	-
• Khoản vay không đảm bảo từ các nhân viên	VND	8,5%	14.350.000.000	18.020.000.000
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	VND	0,00%	3.240.000.000	-
			1.190.627.985.063	1.355.634.416.331

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2014: 14 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị và các khoản phải thu.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (30/06/2014: 250.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây. Khoản vay này còn được đảm bảo bằng 1.000.000 cổ phiếu (30/06/2014: 1.000.000 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và 2.996.602 cổ phiếu (30/06/2014: 2.996.602 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/06/2014: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (30/06/2014: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (v) (v.a) và (v.b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 500.000 triệu VND (30/06/2014: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD (30/06/2014: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/06/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/06/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	61.920.710.000	45.695.210.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	3.321.504.000	-
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công, một công ty liên quan để mua dịch vụ	-	120.400.000
Người mua trả tiền trước	2.875.637.508	1.334.337.151
	69.331.851.508	48.363.947.151

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

(*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Thuế giá trị gia tăng	(7.187.155.891)	3.433.329.945
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(5.297.389.348)	(1.536.386.539)
Thuế thu nhập cá nhân	(12.978.670)	954.671.420
Thuế nhập khẩu	(5.199.000)	-
	(12.502.722.909)	2.851.614.826

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Chi phí phải trả

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	4.577.746.760	5.055.191.305
Chi phí lãi vay	1.621.877.482	2.699.097.912
Phép năm không sử dụng	572.265.930	574.018.820
Chi phí khác	3.735.545.118	1.818.118.920
	10.507.435.290	10.146.426.957

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	13.771.167.336	1.576.076.357
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	452.260.335	408.948.935
Khác	1.610.986.926	884.831.123
	17.034.414.597	4.069.856.415

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biên động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Số dư đầu năm	22.350.117.493	16.447.220.705
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	3.688.248.683	19.120.533.359
Sử dụng quỹ	(1.779.336.744)	(13.217.636.571)
Số dư cuối kỳ	24.259.029.432	22.350.117.493

20. Vay dài hạn

	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Vay dài hạn	103.696.879.000	126.883.550.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(47.585.342.000)	(47.413.342.000)
	56.111.537.000	79.470.208.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	31/12/14 VND	30/06/14 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	13.124.879.000	14.318.050.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (ii)	VND	9,6%	2016	5.907.000.000	7.383.000.000
Ngân hàng ACB-Tân Thuận (iii)	VND	9,5%-10,5%	2016	84.145.000.000	105.182.500.000
Ngân hàng công thương Tây Ninh (iv)	VND	0,0%	2015	520.000.000	-
				103.696.879.000	126.883.550.000

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (30/06/2014: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 11 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VND (30/06/2014: 10.700 triệu VND). Số dư 2.107.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 8 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số dư 3.800.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 8 quý bằng nhau, mỗi quý trả 475 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VND (30/06/2014: 2.500 triệu VND) và Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với giá trị là 2.850 triệu VND (30/06/2014: 2.850 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (30/06/2014: 120.000 triệu VND). Số dư 41.862.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 3 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.466 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.462 triệu VND vào ngày 20 tháng 11 năm 2016. Số dư 42.283.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 3 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.571 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.570 triệu VND vào ngày 25 tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng 12.630.296 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (30/06/2014: 9.135.148 cổ phiếu đường Biên Hòa và 4.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND. Số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 43 triệu VND và quý cuối cùng tại ngày 14 tháng 11 năm 2017 trả 47 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	(4.960.381.269)	158.748.506.638	1.776.602.113.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	47.651.081.870	47.651.081.870
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	-	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	72.902.111.802	72.902.111.802
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	-	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	125.609.421.786	101.816.231.999	(4.960.381.269)	141.973.371.939	1.802.593.445.422

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/14		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(4.993.840)	(49.938.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/12/14		30/06/14	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
	Số dư đầu năm	61.577.199.043
Số dư cuối kỳ	61.577.199.043	61.577.199.043

Từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

23. Cổ tức

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2014.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	460.433.994.019	713.376.929.609
Bán mật đường	25.252.604.558	10.344.551.996
Bán điện	13.585.787.100	12.683.510.800
Bán phân bón	2.203.049.821	4.134.808.258
Khác	2.697.912.500	6.935.698.066
	504.173.347.998	747.475.498.729
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh Giảm giá hàng bán	(2.150.316.075)	(1.118.800.053)
Doanh thu thuần	502.023.031.923	746.356.698.676

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	414.836.098.751	619.636.060.734
Giá vốn mật đường	25.060.899.654	9.972.552.826
Giá vốn điện	13.554.411.548	11.593.270.271
Giá vốn phân bón	2.203.967.810	3.994.677.331
Khác	1.850.915.603	4.074.204.567
	457.506.293.366	649.270.765.729

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.044.091.880	1.648.995.220
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.495.665	1.942.545
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.953.986	192.195.836
Chi phí bảo hành	-	775.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.350.549.486	13.922.031.508
Chi phí bằng tiền khác	1.942.343.318	1.358.097.733
	14.444.434.335	17.124.038.323

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	6.515.571.446	7.118.369.601
Chi phí vật liệu quản lý	69.074.815	264.517.614
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	950.074.084	76.677.762
Chi phí khấu hao TSCĐ	818.656.010	833.702.300
Thuế, phí và lệ phí	26.600.000	4.421.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.085.613.822	3.083.662.004
Chi phí bằng tiền khác	6.060.338.648	8.130.612.953
	17.525.928.825	19.511.963.234

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng	5.090.356.193	9.653.606.477
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	13.546.161.650	11.781.984.127
Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán	656.145.600	10.920.382.760
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	48.630.845	114.641.732
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.120.875	35.518.106
	19.399.085.659	32.506.133.202

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	20.156.239.920	20.774.966.498
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(23.694.521.727)	(28.423.190.815)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	461.815.094	114.597.641
Hoạt động đầu tư chứng khoán	132.456.401	65.767.574
Khác	9.130.000	656.096.093
	(2.934.880.312)	(6.811.763.009)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	8.226.906.570	23.165.398.414
	8.226.906.570	23.165.398.414
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(635.362.425)	(4.695.717.351)
Chi phí thuế thu nhập	7.591.544.145	18.469.681.063

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 22%.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan
Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/07 -> 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	62.067.512.369	53.943.464.009
Ứng trước tiền hàng	121.600.000.000	67.200.000.000
Lãi ứng trước tiền hàng	6.091.280.490	-
Cho vay	50.000.000.000	100.000.000.000
Lãi cho vay	94.444.444	4.690.454.736
Nhận cung cấp dịch vụ	4.332.061.622	5.855.960.710
Chi phí lãi vay	-	1.062.639.417
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Ứng trước tiền hàng	60.098.000.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng	1.452.791.668	-
Cho vay	-	60.000.000.000
Mua hàng hóa	7.807.991.922	1.696.210.477
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	690.916.211	1.220.398.968
Lãi ứng trước tiền hàng	917.184.943	4.937.333.332
Cung cấp dịch vụ	98.181.819	98.181.819
Mua hàng hóa	73.074.117.285	641.464.046
Nhận cung cấp dịch vụ	194.874.036	-
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công		
Lãi cho vay	5.598.962.922	18.435.284.453
Lãi từ trả trước cho mua quyền sử dụng đất	8.149.348.898	-
Thu lại khoản vay +lãi	128.960.577.469	165.652.791.317

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tên công ty	Giai đoạn 01/07 -> 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Phí bảo quản kho	34.403.748	23.494.948
Cổ tức	13.630.296.000	3.407.574.000
Mua hàng hóa	70.050.227.853	34.204.323.292
Nhận gia công	-	852.859.495
Bán hàng hóa	-	6.505.781.144
Chi phí gia công	1.113.000.000	-
Vốn góp cổ phần	-	68.151.480.000
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Mua đường thô	-	8.233.333
Cổ tức	-	4.489.764.400
Công ty Cổ phần Nghiên Cứu và Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	75.990.000	-
Cho thuê đất	-	240.000.000
Mua hom giống	45.727.500	-
Nhận cung cấp dịch vụ	295.000.000	69.615.000
Mua Mía nguyên liệu	789.966.000	3.861.000
Cty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai		
Góp vốn cổ phần	-	25.200.000.000
Bán hàng hóa	720.627.064	-
Cung cấp dịch vụ	153.797.394	-
Lãi ứng trước tiền hàng	293.333.334	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2014 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 76.776 triệu VND (giai đoạn từ 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 107.642 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 137.010.179), được tính như sau:

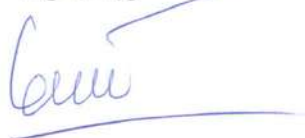
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn 01/10/14 đến 31/12/14	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	47.830.936.549	93.007.738.576

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 01/10/14 đến 31/12/14	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143.506.160	137.010.179
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	143.506.160	137.010.179

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên



Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngự

Ngày 25 tháng 02 năm 2015